

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HS-ST
Ngày 11-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thanh Thủy;

Bà Vi Thị Quý.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2024/TLST - HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/TLST - HS ngày 22 tháng 10 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 491/2024/TB-TA ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo:

Nguyễn Như H; Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1972, tại T, thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, thành phố H. Nơi tạm trú và chỗ ở: Số B, đường M, Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Như Đ, sinh năm 1950; Con bà: Lê Thị L, sinh năm 1951; Vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1974; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/9/1994 bị Công an huyện Thường Tín, tỉnh H Tây (H Nội) xử lý về Hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác; tại Bản án số 15/2012/HSST ngày 07/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định xử phạt Nguyễn Như H 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích. Tại giấy xác nhận thi Hành án số 11/GXN-THADS ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Trảng Định thể hiện bị cáo Nguyễn Như H đã thi Hành khoản án phí và bồi thường công dân đối với bản án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự thì bị cáo đã được đương nhiên

xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam tại NH tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 15/7/2024 cho đến nay.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1974. Trú tại: Số B, đường M, Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, có mặt.

2. Chu Thanh H1, sinh năm 1975. Trú tại: Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

3. Lương Thị Y, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Đường Khánh T1, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

5. Đinh Lộc K, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

6. Triệu Thị H2, sinh năm 1985. Trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh L, vắng mặt, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Lục Việt A, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thấy có nhiều người có nhu cầu vay mượn tiền, Nguyễn Như H đã nảy sinh ý định cho vay tiền lấy lãi dưới hình thức bóc lột họ hoặc vay tiền trả lãi theo tháng, cụ thể: Nếu người vay theo hình thức bóc lột họ (gói vay) thì mỗi bát (gói) được tính với số tiền 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng hoặc hơn tùy vào nhu cầu người vay và H trừ lấy tiền lãi ngay từ 10% đến 20% vào tiền vay, người vay sẽ phải trả tiền tối đa trong vòng 50 ngày hoặc có thể trả sớm hơn, nếu vay theo hình thức tính lãi theo ngày với người vay thỏa thuận với nhau tiền lãi từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 365%/năm, tùy theo số tiền của người vay để tính lãi và thống nhất trả tiền lãi theo tháng (một tháng tính 30 ngày), không thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc. Dựa trên mối quan hệ thân thiết, hoàn cảnh gia đình, thông tin của người vay mà H sẽ cho người vay viết giấy vay tiền và sẽ phải thế chấp giấy tờ cá nhân hoặc giấy tờ đất đai, tài sản; đối với người nào H tin tưởng, quen biết sẽ không cần thế chấp giấy tờ tài sản gì. Khi người vay tiền đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi H sẽ trả lại tài sản thế chấp và hủy giấy vay tiền. Sau khi thỏa thuận hình thức vay, H đưa tiền mặt cho người vay. Đến thời hạn trả tiền lãi, người vay tiền đến trả tiền mặt trực tiếp chuyển khoản trả tiền qua tài khoản ngân hàng Quân đội (MBbank) số 686830109999; tài khoản ngân hàng Agribank số 8408205016841 của Nguyễn Như H hoặc tài khoản ngân hàng Quân đội (MBbank) số 686807108888 và tài khoản ngân hàng

nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) số 8408205078934 của Nguyễn Thị L1 (là vợ của H). Khi vay mượn tiền, trả tiền lãi H và người vay tiền đều tự nguyện không ai bị ép buộc, giấy vay tiền, giấy tờ thế chấp của người vay do H giữ, sau khi người vay thanh toán trả hết tiền vay và tiền lãi thì H sẽ trả giấy tờ thế chấp cho người vay rồi đốt hủy giấy vay tiền.

Bắt đầu từ tháng 10 năm 2019, Nguyễn Như H đã cho 05 người vay theo hình thức lãi ngày với lãi suất gấp 5 lần trở lên mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm của khoản tiền vay, cụ thể như sau:

- Ngày 09/3/2023, Chu Thanh H1 vay H số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi vay là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày.

Từ tháng 03 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024, Chu Thanh H1 đã trả tiền lãi trực tiếp 15 tháng (tương đương 450 ngày) với tổng số tiền 81.000.000 đồng. Còn đối với tiền lãi tháng 6 năm 2024 thì Hải thỏa thuận trả cho H được 3.400.000 đồng. Hiện nay H1 vẫn còn nợ H số tiền vay là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi hợp pháp là 15.780.960 đồng, số tiền thu lời bất chính là 68.619.040 đồng. Đến khoảng 08 giờ ngày 14/7/2024, do hai bên xảy ra mâu thuẫn đánh nhau H1 đã đến Cơ quan Công an tố giác H về Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Ngày 31/10/2022, Lương Thị Y đến gặp vay Nguyễn Như H 50.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Trừ ngày lãi vay tháng 11/2022 là 7.500.000 đồng.

Từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023, Y trả cho H 02 tháng (tương đương 60 ngày) tiền lãi, mỗi tháng 7.500.000 đồng với tổng số tiền là 13.000.000 đồng và nợ 2.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 16/01/2023, Y trả cho H số tiền 12.000.000 đồng (trong đó tiền 10.000.000 đồng là tiền vay gốc và tiền lãi 2.000.000 đồng nợ tháng trước), đồng thời Y và H thống nhất tiền vay còn nợ là 40.000.000 đồng, lãi vay vẫn là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Số tiền lãi hợp pháp là 1.643.850 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 13.356.150 đồng. Từ tháng 02 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024, Y đã chuyển tiền lãi vay qua tài khoản ngân Hàng và trả trực tiếp cho H 12 tháng (tương đương 360 ngày) với tổng số tiền là 72.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là 7.890.480 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 64.109.520 đồng. Tổng cộng đối với khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp là **9.534.330 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp thu lời bất chính là **77.465.670 đồng**.

Từ tháng 02/2024, H và Y thỏa thuận không thu tiền lãi mà chỉ yêu cầu Y trả nợ vay gốc là 40.000.000 đồng và khi vay tiền H yêu cầu Y thế chấp gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 của Y và làm hợp đồng vay nhưng trong hợp đồng không ghi tiền lãi vay và hợp đồng do H giữ.

- Tháng 6 năm 2022, vợ chồng Đường Khánh T1, Đinh Lộc K vay 50.000.000 đồng và thống nhất thỏa thuận tiền lãi vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023, vợ chồng T1, K đã trả 08 tháng (tương đương 240 ngày) tiền lãi cho H với tổng số tiền là 60.000.000 đồng trong đó lãi suất hợp pháp là: 6.575.400 đồng, số tiền thu lời bất chính là

53.424.600 đồng; Ngày 11/02/2023, Đường Khánh T1 trả cho H 38.000.000 đồng (trong đó 35.000.000 đồng là tiền vay và 3.000.000 đồng tiền lãi của 10 ngày đầu tháng 02 năm 2023). Khoản vay 50.000.000 đồng trong 10 ngày đầu tháng 02/2023, H thu lãi của vợ chồng T1, K số tiền 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là: 273.975 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là: 2.726.025 đồng; Sau đó H và vợ chồng T1, K thống nhất tiền vay còn 15.000.000 đồng, Hàng tháng trả 2.000.000 đồng. Ngày 17/3/2023, T1 trả cho H 2.000.000 đồng tiền lãi tháng 03 năm 2023 và trả trực tiếp tiền vay gốc cho H 15.000.000 đồng (lãi hợp pháp là: 246.578 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 1.753.422 đồng). Như vậy, đối với khoản vay này số tiền lãi đúng quy định H được hưởng là **7.095.953 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp thu lời bất chính là **57.904.047 đồng**.

- Ngày 05/8/2023, vợ chồng Đường Khánh T1, Đinh Lộc K tiếp tục đến gặp Nguyễn Như H vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 182,5%/năm, thống nhất trả tiền lãi theo tháng, H đưa cho vợ chồng T1, K số tiền 8.500.000 đồng, trừ ngay tiền lãi vay tháng 8 năm 2023 là 1.500.000 đồng. Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024, vợ chồng T1, K đã trả cho H số tiền lãi 07 tháng (tương đương 210 ngày), mỗi tháng 1.500.000 đồng với tổng số tiền là 10.500.000 đồng. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự thì H được hưởng tiền lãi là **1.150.695 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp thu lời bất chính là **9.349.305 đồng**. Tháng 3 năm 2024, do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng T1, K và H thỏa thuận thống nhất không tính tiền lãi vay và Hàng tháng vợ chồng T1, K trả cho H 2.000.000 đồng tiền vay đến ngày 08/7/2024 đã trả hết tiền vay 10.000.000 đồng.

- Ngày 24/10/2019, Triệu Thị H2 vay 30.000.000 đồng, thống nhất thỏa thuận tiền lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 11 năm 2021, H2 đã trả H 25 tháng (tương đương 750 ngày) tiền lãi, với tổng số tiền lãi là 112.500.000 đồng, trong đó lãi hợp pháp là: 12.328.875 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 100.171.125 đồng; Tháng 11 năm 2021, H2 tiếp tục vay H 15.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Do H2 còn nợ tiền khoản vay trước là 30.000.000 đồng nên thỏa thuận cộng 02 khoản vay là 45.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022, H2 đã trả H 06 tháng (tương đương 180 ngày) tiền lãi với tổng số tiền lãi là 39.000.000 đồng, trong đó lãi xuất hợp pháp là: 4.438.395 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 34.561.605 đồng. Tháng 5 năm 2022, H2 tiếp tục vay H 15.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Do H2 nợ khoản vay 45.000.000 đồng nên thỏa thuận cộng các khoản vay lại thành 60.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, H đưa tiền vay cho H2 12.750.000 đồng, số còn lại trừ vào tiền lãi. Tiền lãi tháng 6/2022 đối với khoản vay thêm 15.000.000 đồng hợp pháp là 246.578 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 2.003.422 đồng. Sau khi vay tiền do điều kiện kinh tế khó khăn nên H2 và H thỏa thuận không trả tiền lãi vay. Đến tháng 11 năm 2023, H2 gặp H thống nhất thỏa thuận Hàng tháng H2 trả cho H số tiền 8.000.000 đồng vào gốc vay đến khi trả đủ thì H đồng ý và H2 vẫn dùng căn cước công dân để thế chấp. Hiện tại H2 còn nợ H tiền vay là 40.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi hợp pháp đối với khoản vay này là **17.013.848 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp là **136.736.152 đồng**.

- Ngày 30/6/2023, Lục Việt A vay H số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong thời hạn 10 ngày, tiền lãi vay là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày. Ngày 09/7/2023 Việt A trả 2.000.000 đồng tiền lãi; ngày 17/7/2023 Việt A trả 2.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 24 và 25/7/2023 Việt Anh đã trả cho H toàn bộ số tiền gốc là 25.000.000 đồng tiền vay. Đối với khoản vay từ ngày 30/6/2023 đến ngày 25/7/2023, Nguyễn Như H cho Lục Việt A vay 25.000.000 đồng trong 30 ngày đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi, trong đó lãi xuất hợp pháp là: **410.963 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp là **5.589.037 đồng**.

- Ngày 09/8/2023, Lục Việt A tiếp tục vay H 10.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong thời hạn 10 ngày, tiền lãi là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày, H đưa cho Việt A 9.000.000 đồng, số tiền còn lại trừ vào tiền lãi. Đến ngày 18/8/2023, Việt A trả cho H tiền vay là 10.000.000 đồng, như vậy số tiền lãi hợp pháp là: **54.795 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp là **945.205 đồng**.

- Ngày 28/9/2023, Việt A tiếp tục vay H 15.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong thời hạn 10 ngày, tiền lãi là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày, H chuyển cho Việt A 13.500.000 đồng, số tiền còn lại trừ vào tiền lãi. Đến ngày 07/10/2023, Việt A trả tiền vay cho H 15.000.000 đồng, như vậy số tiền lãi hợp pháp là **82.193 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp là **1.417.807 đồng**.

- Ngày 09/10/2023, Việt A tiếp tục vay H 15.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong thời hạn 10 ngày, tiền lãi là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày tương, H chuyển cho Việt A 13.500.000 đồng, số còn lại trừ vào tiền lãi. Đến ngày 20/10/2023, Việt A trả tiền vay cho H 15.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi hợp pháp là **82.193 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp là **1.417.807 đồng**.

- Ngày 24/10/2023, Việt A tiếp tục vay H 15.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong thời hạn 10 ngày, tiền lãi là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày, H chuyển cho Việt A 13.500.000 đồng, số còn lại trừ vào tiền lãi. Từ ngày 03/11/2023, do không có điều kiện trả tiền lãi Việt A và H thỏa thuận không tính tiền lãi, đến ngày 11/12/2023, Việt A đã thanh toán tiền vay 15.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi hợp pháp là **82.193 đồng**, số tiền lãi bất hợp pháp là **1.417.807 đồng**.

Tổng số tiền Nguyễn Như H cho Chu Thanh H1, Lương Thị Y; vợ chồng Đường Khánh T1, Đinh Lộc K; Triệu Thị H2; Lục Việt A vay là 310.000.000 đồng, số tiền lãi là 412.150.000 đồng, trong đó số tiền lãi hợp pháp là : 51.288.123 đồng, số tiền lãi bất hợp pháp là 360.861.877 đồng.

Cáo trạng số: 66/CT-VKSTĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 truy tố bị cáo về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận Hành vi như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của Chu Thanh H1, Lương Thị Y; Triệu Thị H2; Triệu Thị H2; vợ chồng Đường Khánh T1, Đinh Lộc K và các tài liệu có trong vụ án.

Tại các biên bản thỏa thuận và tại phiên tòa Chu Thanh H1, Lương Thị Y; Triệu Thị H2; Lục Việt A; vợ chồng Đường Khánh T1, Đinh Lộc K và vợ bị cáo tự nguyện thỏa thuận, Nguyễn Như H không phải thanh toán số tiền thu lợi bất chính cho những người vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2; khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án: 06 tháng đến 12 tháng tù giam về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nH nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, vỏ màu trắng, có số IMEI 1: 3579 2695 4074 402, số IMEI 2: 3579 2695 3721 508, gắn 01 thẻ sim Viettel 4G có dãy số ICCID: 8984 0480 0882 9110 211 của Nguyễn Như H. Trả lại: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, vỏ màu trắng, có số IMEI 1: 3585 3832 0543 207, số IMEI 2: 3585 3832 0593 921, gắn 01 thẻ sim Viettel 4G có dãy số ICCID: 8984 04800 00478 05698 của Nguyễn Thị L1. Trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ ông Dương Quốc Lâm sinh năm 1947 và bà Phan Thị Loan sinh năm 1947 trú tại số 12, đường 21/8, thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Dương Quốc Lâm; trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ ông Mã Văn Hội, sinh năm 1988 và bà Lương Thị Khế, sinh năm 1982 trú tại Thôn Cốc Lùng, xã Đề Thám, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Mã Văn Hội. Đối với 01 quyền sở hữu giả da đề nghị tịch thu tiêu hủy do không có giá trị sử dụng.

Truy thu số tiền bị cáo Nguyễn Như H cho vay và tiền lãi hợp pháp phát sinh từ số tiền cho vay vì đây là công cụ, phương tiện phạm tội là **361.288.123 đồng**. Xác nhận bị cáo H đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này, đã nộp 295.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Định, bị cáo còn có trách nhiệm nộp tiếp **66.288.123 đồng**.

Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh Chu Thanh H1, Lương Thị Y; Triệu Thị H2; Lục Việt A; vợ chồng Đường Khánh T1, Đinh Lộc K về việc bị cáo không phải thanh toán số tiền thu lợi bất chính cho những người vay. Cụ thể:

Chu Thanh H1 số tiền: 68.619.040 đồng; Lương Thị Y, số tiền: 77.465.670 đồng; Đường Khánh T1, số tiền: 67.253.352 đồng; Triệu Thị H2, số tiền: 136.736.152; Lục Việt A, số tiền: 10.787.663 đồng.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến Hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của những người tiến Hành tố tụng. Do đó các Hành vi, quyết định của những người tiến Hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của Chu Thanh H1, Lương Thị Y; Triệu Thị H2; Lục Việt A; Đường Khánh T1, Đinh Lộc K. Hội đồng xét xử thấy rằng những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về Hành vi phạm tội: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định: Từ tháng 10 năm 2019, Nguyễn Như H đã cho Chu Thanh H1; Lương Thị Y; vợ chồng Đường Khánh T1, Đinh Lộc K; Triệu Thị H2 và Lục Việt A có địa chỉ trên địa bàn huyện Trảng Định vay tổng số tiền là **310.000.000 đồng** dưới hình thức lãi ngày với lãi suất từ 3.000 đồng đến 10.000 đồng /1.000.000 đồng/1 ngày tương đương với lãi suất từ 109,5%/năm đến 365%/năm vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%, thu lời bất chính tổng số tiền là **360.861.877 đồng..** Như vậy bị cáo Nguyễn Như H Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự

[4] Về tính chất, hậu quả mức độ của Hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng, có khả năng làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự cũng như sức khỏe của những người vay tiền và gia đình của họ. Mặc dù bản thân bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do mục đích tiền lợi bất chính, do tư lợi cá nhân mà bị cáo xem thường pháp luật, bản thân bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực pháp luật thay vì phải biết sống đặt mình vào khuôn khổ của pháp luật nhưng bị cáo lại chọn việc vi phạm pháp luật, đây là lỗi cố ý trong ý thức phạm tội của bị cáo. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, răn

đề bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân: Bị cáo đã bị kết án; bị xử phạt hành chính nên bị cáo là người có nhân thân xấu.

[6] Tình tiết tăng nặng: Nguyễn Như H đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội với số tiền thu lời bất chính trên 30.000.000 đồng. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra vợ bị cáo là Nguyễn Thị L1 đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định tổng số tiền 295.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người phạm tội là người có tài sản nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max của Nguyễn Như H; trả lại 01 điện thoại di động iphone 13 Pro Max cho Nguyễn Thị L1; trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Mã Văn Hội và Dương Quốc Lâm. Đối với những tài sản không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[10] Biện pháp tư pháp: Số tiền gốc bị cáo Nguyễn Như H cho vay và tiền lãi hợp pháp phát sinh từ số tiền cho vay vì đây là công cụ, phương tiện phạm tội là **361.288.123 đồng**. Xác nhận bị cáo H đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này, đã nộp 295.000.000 đồng tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện Trảng Định, bị cáo còn có trách nhiệm nộp tiếp **66.288.123 đồng**.

[11] Tại các biên bản thỏa thuận, vợ bị cáo và anh Chu Thanh H1, Lương Thị Y; Triệu Thị H2; Lục Việt A; vợ chồng Đường Khánh T1, Đinh Lộc K và ý kiến của bị cáo tại phiên tòa về việc bị cáo không phải thanh toán số tiền thu lợi bất chính cho những người vay. Cụ thể: Chu Thanh H1 số tiền: 68.619.040 đồng; Lương Thị Y, số tiền: 77.465.670 đồng; Đường Khánh T1, số tiền: 67.253.352 đồng; Triệu Thị H2, số tiền: 136.736.152; Lục Việt A, số tiền: 10.787.663 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Đối với Nguyễn Như H có hành vi gây thương tích cho Chu Thanh H1 qua giám định là 0% thương tật, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Trảng Định đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” bằng hình thức phạt tiền với mức phạt 6.500.000 đồng.

[13] Qua kiểm tra sao kê lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng Quân đội (MBbank) số 6868.3010.9999; tài khoản ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) số 8408205016841 của H hoặc tài khoản ngân hàng Quân đội (MBbank) số 6868.0710.8888; tài khoản ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) số 8408205078934 của Nguyễn Thị L1 (là vợ của H) và trình bày của Nguyễn Như H xác định các giao dịch chuyển tiền, nhận tiền có liên quan đến việc H cho nhiều người khác vay tiền gồm: Trần Thu H1; Trần Thu H; Mỗ Mỹ H2; Lý Thị Y; Hoàng Kim T; Bé Thị T; Hoàng Tuấn Đ; Nguyễn Thị H; Quan Tú H; Hoàng Thị L; Mai Thị H; Nông Thị H; Đoàn Thị Thu H; Hoàng Minh N; vợ chồng Mã Văn H, Lương Thị K; Ma Thị H; Lục Văn K; Triệu Minh P và Trần Thu H. Tuy nhiên do những người vay trên không nhớ rõ thời gian vay cụ thể và thời gian kết thúc khoản vay nên không đủ căn cứ xác định số tiền Nguyễn Như H đã thu lợi bất chính để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn các giao dịch chuyển tiền khác không liên quan đến Hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Như H.

[14] Đối với Nguyễn Thị L1 (là vợ của H) quá trình điều tra chỉ thu thập được sao kê sổ phụ tài khoản ngân hàng của Lan thể hiện giao dịch chuyển tiền với người vay, tại Cơ quan điều tra Lan không thừa nhận Hành vi được giúp sức vay lãi nặng cho Nguyễn Như H phù hợp với lời khai của H. Ngoài ra không có dữ liệu điện tử và không thu thập được tài liệu nào khác nên không đủ căn cứ để xử lý Lan trong vụ án này.

[15] Những gì khác với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử đều không được chấp nhận.

[16] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy Hành vi của bị cáo tuy nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo đi cải tạo tập trung mới nhận thức được Hành vi của mình, đồng thời răn đe những người có ý định phạm tội tương tự.

[17] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[18] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38; khoản 1 Điều 46; Điều 50 Bộ luật hình sự

Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như H phạm tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Như H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2024.

3. Hình phạt bổ sung: Xử phạt Nguyễn Như H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách NH nước.

4. Về vật chứng:

4.1. Tịch thu hóa giá sung công quỹ NH nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, vỏ màu trắng, có số IMEI 1: 3579 2695 4074 402, số IMEI 2: 3579 2695 3721 508, gắn 01 thẻ sim Viettel 4G có dãy số ICCID: 8984 0480 0882 9110 211 của Nguyễn Như H.

4.2. Trả lại:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, vỏ màu trắng, có số IMEI 1: 3585 3832 0543 207, số IMEI 2: 3585 3832 0593 921, gắn 01 thẻ sim Viettel 4G có dãy số ICCID: 8984 048000 00478 05698 cho Nguyễn Thị L1.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ ông Dương Quốc Lâm sinh năm 1947 và bà Phan Thị Loan sinh năm 1947 trú tại số 12, đường 21/8, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, tình trạng đã cũ còn nguyên vẹn cho hộ ông Dương Quốc Lâm.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất mang tên hộ ông Mã Văn Hội, sinh năm 1988 và bà Lương Thị Khế, sinh năm 1982 trú tại Thôn Cốc Lùng, xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, tình trạng đã cũ còn nguyên vẹn cho hộ ông Mã Văn Hội.

4.3. Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ bìa da màu tím than, mặt bìa có chữ Crganon A4, đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 10 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn).

5. Biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách số tiền: **361.288.123 đồng**. Xác nhận bị cáo H đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này, đã nộp 295.000.000 đồng tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện Tràng Định, bị cáo còn có trách nhiệm nộp tiếp **66.288.123 đồng**.

6. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách NH nước.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ Điều tra CA huyện Tràng Định;
- CQ THAHS huyện Tràng Định;
- Chi cục THA DS huyện Tràng Định;
- UBND xã thị trấn Thất Khê, H. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Văn Bình

